TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH TH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 11/3/2019
V/v: Tranh chấp HNGĐ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH,TỈNH TH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần T1 Hưởng

2. Bà Hà Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH.

- Đại diệnViện Kiểm sát nhân dân thành phố TH tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa

Ngày 11/3/2019 tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phốTH, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 44/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Thanh Đ, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Tổ X, pH G, thành phố TH, tỉnh TH

2. Bị đơn: Chị Lương Thị T, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Tổ X, pH G, thành phố TH, tỉnh TH

(Có mặt anh Đ, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Thanh Đ trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Tôi chị Lương Thị T kết hôn năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P (nay là thị xã P), tỉnh TH. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, đặc biệt là quan điểm về xây dựng kinh tế chung của gia đình, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, không quan tâm đến nhau nữa. Khi mâu thuẫn xảy ra đã

được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không cải thiện được. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, xin ly hôn.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Thanh H, sinh ngày 18/01/2009 và Trần Thanh T1 sinh ngày 13/01/2013. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, bị đơn chị Lương Thị T trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Tôi nhất trí với lời khai của anh Đ về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung và công nợ chung là đúng. Cuộc sống vợ chồng gặp nhiều mâu thuẫn do khác biệt quan điểm sống và tính cách, không tìm được tiếng nói chung. Tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải. Anh Đ xin ly hôn tôi nhất trí.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Thanh H, sinh ngày 18/01/2009 và Trần Thanh T1 sinh ngày 13/01/2013. Nếu ly hôn, tôi đồng ý để anh Đ trực tiếp nuôi cả hai con chung. Anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tôi nhất trí.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Tôi xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T đã được giao thông báo phiên hòa giải, nhưng chị vắng mặt sau đó có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được và phải đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, anh Trần Thanh Đ và chị Lương Thị T đều có nơi cư trú tại thành phố TH, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố TH theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt chị T, nhưng chị đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Thanh Đ và chị Lương Thị T kết hôn năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P (nay là thị xã P), tỉnh TH nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Lý do anh Đ xin ly hôn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Chị T cũng xác định tình cảm vợ chồng

không còn, không có khả năng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị T đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Do đó, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Đ là phù hợp với thực tế quy định tại Điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình 2015.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Thanh H, sinh ngày 18/01/2009 và Trần Thanh T1 sinh ngày 13/01/2013. Anh Đ có nguyện vọng nuôi cả hai con vì hiện nay cả hai con đang ở với anh Đ, chị T cũng nhất trí để cho anh Đ trực tiếp nuôi hai con chung. Cháu Trần Thanh H cũng có nguyện vọng ở với bố. Xét thấy để đảm bảo sự phát triển bình thường của con trẻ, tránh sự xáo trộn cuộc sống không cần thiết. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh Đ, giao cả hai con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2015.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh Đ không yêu cầu, nên không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ và chị T xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Đ phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Thanh Đ. Anh Trần Thanh Đ được ly hôn chị Lương Thị T.

2. Về con chung: Giao anh Trần Thanh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Trần Thanh H, sinh ngày 18/01/2009 và Trần Thanh T1 sinh ngày 13/01/2013 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị Lương Thị T được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở.

** Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Tòa án không giải quyết vì anh Đ không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Anh Trần Thanh Đ phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp sang theo biên lai thu số 0007231 ngày 11/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH.

5. Quyền kháng cáo: Anh Trần Thanh Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lương Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TháiNguyên;
- VKSND thành phố TH;
- THADS thành phố TH;
- UBND xã P, TX P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trương Thị Thanh Trúc